TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LANG CHÁNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST *Ngày 18 tháng 9 năm 2018* *V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LANG CHÁNH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trương Thị H

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân S và ông Lương Văn Th.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn M - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa: Không tham gia phiên tòa;

Ngày 18 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lang Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2018/TLHNGĐ-ST ngày 16/4/2018 về việc *"Tranh chấp Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Th - Sinh năm 1980; (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 1, phố 1, thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa;

Bị đơn: Anh Hà Văn L - Sinh năm 1978; (Vắng mặt lần 2)

Địa chỉ: Tổ 1, phố 1, thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 10/4/2018 và tại phiên tòa hôm nay chị Lê Thị Th trình bày: Chị và anh Hà Văn L tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở hai

người đều tự nguyện, và không bên nào bị ép buộc. Vợ chồng có đăng kí kết hôn tại UBND thị trấn Lang Chánh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 06ngày 03/3/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 07 năm thì đến cuối 2010 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách vợ chồng không hợp nên thường xuyên cãi vã, chửi bới, xúc phạm nhau. Anh L không quan tâm đến gia đình vợ con. Khi vợ chồng sảy ra mâu thuẫn chị có nhờ hai bên gia đình nội, ngoại động viên khuyên giải nhiều lần, mục đích để vợ chồng bỏ qua khuyết điểm cùng nhau xây dựng hạnh phúc để chăm sóc các con trưởng thành. Tuy nhiên tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn mà ngày càng mâu thuẫn trầm trọng hơn. Mặc dù vợ chồng vẫn sống chung một nhà nhưng chị và anh L đã sống ly thân từ tháng 6/2017 đến nay không ai quan tâm ai. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hà Văn L.

Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung cháu đầu tên cháu là Hà Lê A, sinh ngày 21/9/2004 và Hà Thái A, sinh ngày 18/10/2011. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả cháu hai con, và chị không yêu cầu anh Lộc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06/5/2018 và phiên hòa giải ngày 06/6/2018 anh Hà Văn L trình bày: Anh và chị Th kết hôn trên cơ sở hai bên đều tự nguyện, ngày tháng năm kết hôn như chị Th trình bày trong đơn là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bản thân anh đôi khi còn ham chơi bời và chưa thường xuyên chăm lo đến gia đình vợ con, nay chị Th làm đơn xin ly hôn anh, anh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng và còn có thể hàn gắn được, hơn nữa anh vẫn còn thương yêu vợ con, và anh mong chị Th bỏ qua tất cả những lỗi lầm trước đây anh đã gây ra vợ chồng đoàn tụ cùng nhau xây dựng hạnh phúc để nuôi dạy các con trưởng thành nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Th có hai con chung cháu đầu tên cháu là Hà Lê A, sinh ngày 21/9/2004 và Hà Thái A, sinh ngày 18/10/2011. Trường hợp phải ly hôn anh cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung và anh không yêu cầu chị Thưng phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho ý kiến của mình, chị Th đã nộp: Trích lục Kết hôn giữa chị và anh L; Trích lục khai sinh của cháu Hà Lê A và Trích lục khai sinh của cháu Hà Thái A để làm căn cứ. Anh L đã giao nộp Văn bản trình bày ý kiến của Hà Văn L đề ngày 06/5/2018;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là quan hệ *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*;

[2] Anh Hà Văn L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có ly do, nên căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 238 BLTTDS để xét xử vắng mặt anh L là phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Về hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của chị Th, anh L, trước khi về chung sống với nhau, anh chị đã có thời gian tìm hiểu và hai người đều tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa. Giấy đăng ký kết hôn số: 06 ngày 03/3/2003; trong quá trình chung sống đã bị thất lạc, nay được UBND thị trấn Lang Chánh cấp Trích lục kết hôn số 03 ngày 26/3/2018. Đủ cơ sở để xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Th và anh Hà Văn L là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa: Chị Th và anh L thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách, quan điểm trong cuộc sống của hai vợ chồng luôn trái ngược nhau, anh L hay chơi bời, và thừa nhận ít quan tâm lo lắng cho gia đình vợ con, khi chị Th góp ý thì vợ chồng xích mích cãi cọ, xúc phạm lẫn

nhau, cuộc sống vợ chồng hàng ngày không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng sống không có hạnh phúc, tình trạng như vậy kéo dài và không thể khắc phục được. Khi vợ chồng sảy ra mâu thuẫn có nhờ hai bên gia đình nội, ngoại khuyên giải rất nhiều lần nhưng không có kết quả. Mặc dù vợ chồng vẫn sống chung một nhà nhưng việc ai người ấy làm, vợ chồng đã ly thân không còn quan hệ vợ chồng và không ai quan tâm đến ai; trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp, phiên hòa giải ngày 06/6/2018; chị Th nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể cải thiện được và đề nghị được ly hôn anh L. Anh Lộc cho rằng khi vợ chồng sống chung với nhau anh có thừa nhận bản thân hay chơi bời, ít quan tâm đến gia đình vợ con, vợ chồng có sảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng và còn có thể hàn gắn được. Anh Mong chị Th bỏ qua những lỗi lầm của anh trước đây để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau xây dựng hạnh phúc, nhưng chị Th cho rằng anh L gây ra cho chị quá nhiều đau khổ nên chị không thể hàn gắn.

Tòa án tiến hành phiên hòa giải lần hai vào ngày 31/7/2018, anh L có nhận được thông báo của Tòa án nhưng anh L vắng mặt không có ly do. Điều đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh L đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không có hạnh phúc, nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Th, quyết định cho chị Lê Thị Th được ly hôn anh Hà Văn L.

[5] Về con chung: Căn cứ lời trình bày của chị Th, anh L và Trích lục khai sinh của cháu Hà Lê A và Trích lục khai sinh cháu Hà Thái A đủ cơ sở xác định: Cháu Hà Lê A - sinh ngày 21/9/2004 và Hà Thái A, sinh ngày 18/10/2011 là con chung của chị Th, anh L. Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của chị Th, anh L trong phiên hòa giải là chính đáng. Tại phiên tòa chị Th vẫn một mực đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con và chị Th tự nguyện không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung, với ly do chị có thu nhập từ lương đủ điều kiện tối thiểu cho các con học tập và ổn định cuộc sống; mặt khác, khi vợ chồng ly hôn chị có nhà ở cho các con ổn định tâm lý, ổn định cuộc sống cho các con được gần gũi và bảo ban nhau học tập, bản thân anh L khi vợ chồng ly hôn thì anh L phải thuê nhà ở riêng hoặc ở nhờ chỗ khác rất bất tiện cho các con

học tập. Hơn nữa cháu Hà Lê A và cháu Hà Thái A đều có nguyện vọng được ở với chị Th. Xét thấy ý kiến của chị Th và nguyện vọng cả hai cháu là phù hợp, nên HĐXX giao cho chị Th được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Hà Lê A - sinh ngày 21/9/2004 và cháu Hà Thái A, sinh ngày 18/10/2011;

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th là không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L có quyền được thăm nom con chung và không ai được quyền cản trở.

[6] Về tài sản: Chị Th và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

[7] Về án phí: Chị Th phải nộp án phí DSST việc ly hôn theo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm b, khoản 1 Điều 238 của BLTTDS.

Điểm a, Khoản 1 Điều 24; Điểm a, Khoản 5 Điều 27, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Th.

Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Th được ly hôn anh Hà Văn L.

Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Th được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hà Lê A - sinh ngày 21/9/2004 và cháu Hà Thái A, sinh ngày 18/10/2011, anh Hà Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L có quyền được thăm nom con chung và không ai được quyền cản trở.

Về án phí: Chị Lê Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn 300.00đ (*Ba trăm nghìn đồng*)nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0005514 ngày 16/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lang Chánh.

Chấp nhận chị Th đã nộp đủ.

Chị Th có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm iết.

Nơi nhận:
- Các Đương sự;
- VKSND huyện Lang Chánh;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Lang Chánh;
- UBND thị trấn Lang Chánh;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa

Trương Thị H

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Sinh **Trương Thị Hồng**

Lương Văn Thăm